

QUY TẮC BẢO HIỂM XE Ô TÔ

(Được phê chuẩn theo Công văn số 14565/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2018-QĐHN-TMIV ngày 12 tháng 12, 2018 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam)

Căn cứ vào các thông tin, kê khai và cam đoan trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và trên cơ sở xem xét khoản phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Doanh nghiệp bảo hiểm, với điều kiện tuân theo các nguyên tắc chung, quyền lợi bảo hiểm, điều kiện loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và những Sửa đổi bổ sung đính kèm Hợp đồng bảo hiểm này, Doanh nghiệp bảo hiểm đồng ý với Bên mua bảo hiểm như sau:

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. **"Bên mua bảo hiểm"** là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với Doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
2. **"Doanh nghiệp bảo hiểm"** là Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam.
3. **"Người được bảo hiểm"** là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, tính mạng được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.
4. **"Chủ xe"** là chủ sở hữu xe hoặc cá nhân, tổ chức được chủ sở hữu xe giao chiếm hữu, sử dụng xe hợp pháp; hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định nhưng có Hợp đồng mua bán xe hợp pháp.
5. **"Hợp đồng bảo hiểm"** là sự thoả thuận giữa Bên mua bảo hiểm và Doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ phí bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho Người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Một bộ Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản và bao gồm:

- ✓ Giấy yêu cầu bảo hiểm;
 - ✓ Quy tắc bảo hiểm;
 - ✓ Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm
 - ✓ Giấy chứng nhận bảo hiểm;
 - ✓ Sửa đổi bổ sung (nếu có)
6. **"Giấy yêu cầu bảo hiểm"** là văn bản thể hiện các yêu cầu bảo hiểm và cam kết của Bên mua bảo hiểm, được Bên mua bảo hiểm ký và đóng dấu (nếu có) làm căn cứ để Doanh nghiệp bảo hiểm xem xét và chấp thuận việc bảo hiểm thông qua việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm. Văn bản này là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm, được Doanh nghiệp bảo hiểm cấp mẫu cho Bên mua bảo hiểm.
 7. **"Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm"** là bản tóm tắt các điều kiện điều khoản và hạn mức trách nhiệm của Hợp đồng bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm Tái tục (cho trường hợp tái tục) do Doanh nghiệp bảo hiểm cấp cho Bên mua bảo hiểm.
 8. **"Sửa đổi bổ sung"** là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm được Doanh nghiệp bảo hiểm cấp cho Người được bảo hiểm để xác nhận các thay đổi về nội dung của Hợp đồng bảo hiểm đã được cấp trước đó trên cơ sở Doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận các yêu cầu bảo hiểm bổ sung của Người được bảo hiểm.
 9. **"Số tiền bảo hiểm"** là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu Doanh nghiệp bảo hiểm bảo hiểm cho xe của mình đối với phần bảo hiểm vật chất và được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.
 10. **"Hạn mức trách nhiệm"** là mức trách nhiệm cộng gộp tối đa của Doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng với từng phần trách nhiệm trong các phạm vi bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự (tự nguyện) đối với bên thứ ba của Hợp đồng bảo hiểm này.
 11. **"Mức miễn thường"** là số tiền Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất của xe tham gia bảo hiểm, được ghi trong Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm tương ứng với từng phần trách nhiệm trong phạm vi bảo hiểm.
 12. **"Vụ tổn thất"** trong phần bảo hiểm vật chất xe cơ giới của Hợp đồng bảo hiểm này được xác định là sự va chạm giữa xe cơ giới được bảo hiểm, khi đang tham gia giao thông trên đường hoặc không lưu thông, với vật thể khác trong một sự kiện và/hoặc một chuỗi các sự kiện xảy ra đồng thời với cùng một nguyên nhân tại một địa điểm giao thông và có thiệt hại về người hoặc thiệt hại về tài sản, vượt quá phạm vi kiểm soát không lường trước được của Người được bảo hiểm hoặc Người điều khiển xe cơ giới.
 13. **"Xe ô tô", "Xe"** bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe khách, xe buýt, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô đầu kéo... có tham gia giao thông.
 14. **"Thiết bị được lắp thêm"** bao gồm các loại linh kiện, phụ kiện, phụ tùng nói chung, được lắp ráp thêm cho xe với mục đích bảo vệ, trang trí hoặc giải trí. Thiết bị lắp thêm không phải là các tổng thành, hệ thống hay linh kiện theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất xe, hoặc là các linh kiện, phụ kiện, phụ tùng mới thay thế các linh kiện, phụ kiện, phụ tùng cũ tương ứng theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất xe.

15. **“Thời gian đã sử dụng”** là khoảng thời gian tính từ tháng xe được đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm xuất xe đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi bảo hiểm

Các phạm vi bảo hiểm được điều chỉnh bởi Hợp đồng bảo hiểm này bao gồm:

- ✓ Bảo hiểm vật chất xe
- ✓ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (tự nguyện) đối với bên thứ ba
- ✓ Bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe

Điều 2. Khôi phục Hợp đồng bảo hiểm

Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết hạn thanh toán phí bảo hiểm và Doanh nghiệp bảo hiểm không phải gửi bất cứ thông báo nào đến Người được bảo hiểm về việc chấm dứt bảo hiểm này.

Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận bằng văn bản, với điều kiện bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ phí bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm đối với bất kì tổn thất nào phát sinh từ thời điểm Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực đến thời điểm Hợp đồng bảo hiểm được khôi phục hiệu lực.

Điều 3. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

1. Trường hợp Người được bảo hiểm đơn phương đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm trước hạn, Người được bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Doanh nghiệp bảo hiểm. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Người được bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.
2. Trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Doanh nghiệp bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho Người được bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ trong Hợp đồng bảo hiểm

Khi Chủ sở hữu của xe thay đổi, Người được bảo hiểm có quyền đề nghị chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ trong Hợp đồng bảo hiểm này cho chủ sở hữu mới của xe bằng cách gửi cho Doanh nghiệp bảo hiểm một yêu cầu bằng văn bản, không muộn hơn 15 ngày kể từ ngày chuyển quyền sở hữu xe. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chuyển nhượng này.

Nếu Doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận đề nghị chuyển nhượng, Hợp đồng bảo hiểm này được xem là được chuyển nhượng cho chủ sở hữu mới của xe kể từ thời điểm quyền sở hữu của xe được chuyển nhượng.

Nếu Doanh nghiệp bảo hiểm không chấp thuận việc chuyển nhượng, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ thông báo trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng hợp lệ từ Người được bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ hoàn lại phí bảo hiểm cho thời hạn còn lại như quy định tại Điều 3 Phần II Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 5. Thay đổi về rủi ro được bảo hiểm

1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ xem xét giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Sau khi nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Bên mua bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm phải trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.
Trong trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 3 Phần II Quy tắc bảo hiểm này.
2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì Doanh nghiệp bảo hiểm có thể tính lại phí bảo hiểm hoặc không chấp thuận bảo hiểm khi rủi ro tăng lên cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì Doanh nghiệp bảo hiểm có thể đơn phương đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 3 của Phần II Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 6. Bảo hiểm cho nhiều xe trong cùng một Hợp đồng bảo hiểm

Trong trường hợp có nhiều xe cùng được bảo hiểm theo một hợp đồng bảo hiểm xe duy nhất, các điều kiện, điều khoản và điểm loại trừ của Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được áp dụng cho mỗi xe được bảo hiểm như thể là mỗi xe được cấp một hợp đồng bảo hiểm riêng.

Đối với riêng trường hợp Bên mua bảo hiểm chỉ yêu cầu chấm dứt bảo hiểm cho một số (không phải toàn bộ) xe trong một đội xe đang được bảo hiểm theo một hợp đồng duy nhất, Doanh nghiệp bảo hiểm có thể xem xét hoàn lại phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian bảo hiểm còn lại của các xe này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:

- 1.1. Tính, thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm;
- 1.2. Từ chối bảo hiểm hoặc cấp Sửa đổi bổ sung nếu Bên mua bảo hiểm không cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm;
- 1.3. Đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm khi nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro được bảo hiểm; hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.4. Từ chối bồi thường cho Người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm;
- 1.5. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Chủ xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật có liên quan;
- 1.6. Yêu cầu bên thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà Doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho Người được bảo hiểm do bên thứ ba gây ra đối với tài sản và trách nhiệm dân sự;
- 1.7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:

- 2.1. Giải thích cho Chủ xe, Bên mua bảo hiểm về quy tắc, điều khoản, phí bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của Chủ xe, Bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm;
- 2.2. Cấp cho Bên mua bảo hiểm Hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;
- 2.3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm sau khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ;
- 2.4. Trường hợp từ chối bồi thường, Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường;
- 2.5. Phối hợp với Bên mua bảo hiểm, Chủ xe và cơ quan chức năng để giải quyết yêu cầu của bên thứ ba đòi bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- 2.6. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Người được bảo hiểm/người điều khiển xe, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
- 2.7. Hướng dẫn Người được bảo hiểm/người điều khiển xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường.
- 2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm

1. Bên mua bảo hiểm có quyền:

- 1.1. Yêu cầu Doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp Hợp đồng bảo hiểm và Sửa đổi bổ sung (nếu có);
- 1.2. Yêu cầu Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho Người được bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- 1.3. Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;
- 1.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ:

- 2.1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm;
- 2.2. Kê khai, cung cấp đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm cũng như các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 2.3. Luôn thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ xe, sức khỏe và tính mạng người ngồi trên xe;
- 2.4. Tạo điều kiện thuận lợi để Doanh nghiệp bảo hiểm xem xét tình trạng xe khi được yêu cầu;
- 2.5. Thông báo cho Doanh nghiệp bảo hiểm khi có sự thay đổi về mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động...);
- 2.6. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- 2.7. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được Doanh nghiệp chấp thuận bồi thường, Bên mua bảo hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho Doanh nghiệp bảo hiểm.
- 2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông báo và giảm thiểu tổn thất

Khi xảy ra tổn thất, Bên mua bảo hiểm, Chủ xe phải:

1. Thông báo ngay cho Doanh nghiệp bảo hiểm để phối hợp giải quyết, đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng). Bên mua bảo hiểm phải gửi thông báo tổn thất bằng văn bản cho Doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian sớm nhất có thể.
2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Doanh nghiệp bảo hiểm; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người được Doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của Người được bảo hiểm, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Doanh nghiệp bảo hiểm xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của Doanh nghiệp bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của Doanh nghiệp bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Trong trường hợp đặc biệt, Doanh nghiệp bảo hiểm không thể thực hiện được việc giám định thì Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm /Người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 11. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do Bên mua bảo hiểm, Chủ xe cung cấp:
 - 1.1. Thông báo tổn thất và tờ khai yêu cầu bồi thường (theo mẫu của Doanh nghiệp bảo hiểm);
 - 1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên doanh nghiệp bảo hiểm sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - a) Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - b) Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;
 - c) Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu có);
 - d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam.)
 - 1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại
 - b) Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Người được bảo hiểm đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Doanh nghiệp bảo hiểm.
 - 1.4. Tài liệu chứng minh thiệt hại về người, bao gồm:
 - a) Tờ khai yêu cầu bồi thường của người bị thương
 - b) Các giấy tờ chứng minh chi phí y tế đã phát sinh bao gồm đơn thuốc, hóa đơn mua thuốc và khám chữa bệnh hợp lệ
 - c) Giấy chứng nhận thương tật vĩnh viễn, được cấp bởi một hội đồng thẩm định đã đăng kí (nếu có)
 - d) Báo cáo tai nạn lao động nếu tai nạn có liên quan đến quá trình lao động.
 - 1.5. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);
 - 1.6. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);
 - 1.7. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho Doanh nghiệp bảo hiểm đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Người được bảo hiểm đã được Doanh nghiệp bảo hiểm giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).
 - 1.8. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:
 - ✓ Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
 - ✓ Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).
2. Tài liệu do Doanh nghiệp bảo hiểm phối hợp với Người được bảo hiểm để thu thập:
 - 2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - a) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);

- b) Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - c) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - d) Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - e) Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
- 2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của bên thứ ba (nếu có);
- 2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất;
- 2.4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:
- ✓ Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm;
 - ✓ Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm (nếu có);
3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 12. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp Bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng bảo hiểm, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/giấy chứng nhận bảo hiểm: Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm hoặc hạn mức trách nhiệm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm hoặc hạn mức trách nhiệm của tất cả các hợp đồng mà Người được bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm.
2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.
Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của các giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế.
Điều khoản này không được áp dụng đối với tổn thất về người của bên thứ ba hoặc người ngồi trên xe.

Điều 13. Loại trừ chung

Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Người được bảo hiểm, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.
2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đã đóng phí bảo hiểm.
3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
4. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.
6. Đưa xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
7. Xe chờ hàng trái phép theo quy định của pháp luật.
8. Tổn thất do vận chuyển chất nổ, chất thải độc hại hoặc vận chuyển khí ga hóa lỏng hoặc xăng trái với quy định của pháp luật.
9. Tổn thất xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố, nội chiến, đình công, bạo động.
10. Tổn thất do phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân hoặc nhiễm bẩn phóng xạ.

Điều 14. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Doanh nghiệp bảo hiểm là 90 ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của Doanh nghiệp bảo hiểm. Quá thời hạn nêu trên, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không giải quyết khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 15. Phạm vi địa lý

Phạm vi địa lý của Hợp đồng bảo hiểm này là Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

PHẦN III. BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE

Điều 16. Phạm vi bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Đâm, va, lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
 - 1.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ;
 - 1.3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;
 - 1.4. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp;
 - 1.5. Hành động ác ý, cố tình phá hoại không phải của Người được bảo hiểm, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.
2. Ngoài ra, Doanh nghiệp bảo hiểm còn bồi thường cho Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Doanh nghiệp bảo hiểm khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:
 - 2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;
 - 2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa phù hợp được sự đồng ý của Doanh nghiệp bảo hiểm, tối đa không vượt quá 10% Số tiền bảo hiểm.Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường không vượt quá Số tiền bảo hiểm.

Điều 17: Loại trừ bảo hiểm

- Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:
1. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử).
 2. Tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (trừ khi có thỏa thuận khác).
 3. Tổn thất đối với sẫm lốp, bạt thùng xe trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.
 4. Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (trừ khi có thỏa thuận khác).
 5. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp), trừ khi có thỏa thuận khác.
 6. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào.
 7. Xe chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người từ trên 50% theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối với xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe).
 8. Tổn thất đối với các thiết bị được lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (trừ khi có thỏa thuận khác) và tổn thất do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra.
 9. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

Điều 18. Số tiền bảo hiểm

1. Số tiền bảo hiểm như được định nghĩa trong Phần I của Quy tắc bảo hiểm này. Số tiền bảo hiểm không lớn hơn giá thị trường của xe.
2. Doanh nghiệp bảo hiểm xác định giá trị của xe tham gia bảo hiểm như sau:
 - 2.1. Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - 2.2. Đối với xe đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu.Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:
 - ✓ Thời gian đã sử dụng dưới 03 năm: 85%;
 - ✓ Thời gian đã sử dụng từ 03 năm đến dưới 06 năm: 70%;
 - ✓ Thời gian đã sử dụng từ 6 năm đến dưới 10 năm: 55%;
 - ✓ Thời gian đã sử dụng từ 10 năm trở lên: 40%.

Điều 19. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

1. Bồi thường tổn thất bộ phận:
 - 1.1. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm để bù đắp tổn thất thuộc phạm

vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).

1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:

- a) Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm và giá thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm;
- b) Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), cụ thể như sau:
 - ✓ Thời gian đã sử dụng xe đến 3 năm: khấu hao 0%;
 - ✓ Thời gian đã sử dụng xe từ trên 3 đến 6 năm: khấu hao 15% giá trị bộ phận thay mới;
 - ✓ Thời gian đã sử dụng xe từ trên 6 năm đến 10 năm: khấu hao 25% giá trị bộ phận thay mới;
 - ✓ Thời gian đã sử dụng xe từ trên 10 năm đến 15 năm: khấu hao 35% giá trị bộ phận thay mới;
 - ✓ Thời gian đã sử dụng xe trên 15 năm: khấu hao 50% giá trị bộ phận thay mới.

1.3. Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại mục 1.2a, 1.2b Điều 19 Phần III Quy tắc bảo hiểm này;

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ.

- 2.1. Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất;
- 2.2. Khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xem xét bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp sau khi được cơ quan cảnh sát điều tra trả lời văn bản trưng cầu ý kiến của Doanh nghiệp bảo hiểm;
- 2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá thị trường của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm;

3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi Doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp bảo hiểm, cụ thể:

- 3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao);
- 3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường toàn bộ xe thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của Doanh nghiệp bảo hiểm. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì Doanh nghiệp bảo hiểm thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của Doanh nghiệp bảo hiểm;
- 3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì Doanh nghiệp bảo hiểm được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 20. Mức miễn thường

1. Mức miễn thường như được định nghĩa tại Phần I Quy tắc bảo hiểm này.
2. Trừ khi có thỏa thuận khác và được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng mức miễn thường có khấu trừ tối thiểu là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/vụ.

Điều 21. Thế quyền

Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của bên thứ ba, Bên mua bảo hiểm, Chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Doanh nghiệp bảo hiểm để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Doanh nghiệp bảo hiểm kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Doanh nghiệp bảo hiểm để đòi lại bên thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường.

Điều 22. Giảm trừ bồi thường

1. Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:
 - 1.1. Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
 - a) Người được bảo hiểm không gửi Thông báo tổn thất cho Doanh nghiệp bảo hiểm trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được Doanh nghiệp bảo hiểm giám định thiệt hại trong thời gian này);
 - b) Người được bảo hiểm/người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn, hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

- 1.2. Giảm 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
 - a) Người được bảo hiểm/người điều khiển xe tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Doanh nghiệp bảo hiểm (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);
 - b) Người được bảo hiểm/người điều khiển xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 20% trở lên;
- 1.3. Giảm đến 70% số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của của Người được bảo hiểm/người điều khiển xe trong các trường hợp sau:
 - a) Người được bảo hiểm không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Doanh nghiệp bảo hiểm kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với Doanh nghiệp bảo hiểm để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho Doanh nghiệp bảo hiểm;
 - b) Người được bảo hiểm không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;
- 1.4. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- 1.5. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:
 - a) Người được bảo hiểm kê khai Giấy yêu cầu bảo hiểm sai, không đúng mục đích sử dụng của xe làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;
 - b) Người được bảo hiểm không thông báo cho Doanh nghiệp bảo hiểm trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

PHẦN IV. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ (TỰ NGUYỆN) ĐỐI VỚI BÊN THỨ BA

Điều 24. Phạm vi bảo hiểm

Các bên hiểu và đồng ý rằng phạm vi bảo hiểm của Phần này tuân theo quy định của bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới.

Điều 25. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài những điểm loại trừ được nêu trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới, Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm đối với:

1. Tử vong hay thương tật thân thể đối với bất kỳ người nào đang làm thuê cho Người ngồi trên xe mà tử vong hay thương tật thân thể phát sinh do hoặc trong quá trình làm thuê đó.
2. Thiệt hại đối với tài sản thuộc sở hữu, được ủy thác hay dưới sự trông nom coi sóc hay kiểm soát của Chủ xe/Người được bảo hiểm hay của Người ngồi trên xe hay đang được vận chuyển bằng xe đó.
3. Tử vong, thương tật thân thể hay thiệt hại xảy ra hay phát sinh ngoài phần đường hay tuyến đường hoặc đường lớn dành cho xe cơ giới liên quan đến việc vận chuyển hàng ra xe để xếp lên hay vận chuyển hàng đi sau khi dỡ xuống từ xe.
4. Tử vong hay thương tật thân thể của bất cứ một người nào phát sinh bởi và trong quá trình làm công cho Chủ xe.
5. Tử vong hay thương tật thân thể cho người điều khiển xe, phụ lái, những người ngồi trên xe hay bất kỳ người nào khác đang được chở trên hoặc đang lên hoặc xuống xe cơ giới tại thời điểm xảy ra biến cố phát sinh khiếu nại.
6. Thiệt hại về tài sản thuộc quyền sở hữu, được ủy thác hoặc thuộc sự trông nom coi sóc hay kiểm soát của Chủ xe/Người được bảo hiểm hoặc thành viên của gia đình Chủ xe/Người được bảo hiểm hay đang được vận chuyển bằng xe.
7. Thiệt hại đối với bất kỳ chiếc cầu hoặc cần cầu đường hoặc cầu cạn hoặc thiệt hại cho bất kỳ con đường hoặc vật thể gì nằm bên dưới gây ra bởi chấn động hoặc trọng tải của chiếc xe hoặc do hàng hóa chuyên chở trên chiếc xe đó.
8. Thiệt hại đối với các đường ống, đường dây, cáp hoặc bất kỳ hệ thống lắp đặt ngầm nào.
9. Thiệt hại đối với tài sản gây ra bởi tia lửa hoặc tro phát ra từ xe nếu xe chạy bằng hơi nước.
10. Tử vong hoặc tai nạn thân thể gây ra bởi hay phát sinh từ việc nổ nồi hơi là một bộ phận cấu thành hoặc được gắn với hoặc nằm trên xe trừ phi điều này là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của Luật pháp.

11. Bồi thường cho những thiệt hại liên quan đến những phán quyết mà lúc đầu không được tổng đạt bởi hoặc nhận được từ Tòa Án có thẩm quyền trong phạm vi Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
12. Các chi phí và phí tổn tố tụng không phát sinh và không thể truy đòi được trong phạm vi Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mà nguyên đơn truy đòi từ Chủ xe/Người được bảo hiểm.
13. Bất cứ trách nhiệm nào bị ràng buộc dưới dạng thỏa thuận mà lẽ ra nếu không có thỏa thuận này thì trách nhiệm đã không phát sinh.
14. Bất kỳ số tiền nào mà Chủ xe/Người được bảo hiểm lẽ ra đã được bồi thường từ một bên thứ ba nếu không có thỏa thuận giữa bên này và Chủ xe/Người được bảo hiểm.
15. Bất kỳ tai nạn tổn thất hay thiệt hại nào đối với tài sản, hay bất cứ tổn thất hoặc chi phí nào gây ra hay phát sinh từ sự cố đó, hay bất kỳ tổn thất mang tính hậu quả nào.

Điều 26. Hạn mức trách nhiệm

Các bên đồng ý rằng các Hạn mức trách nhiệm của Phần này là số tiền vượt quá các hạn mức trách nhiệm tương ứng của bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới.

PHẦN V. BẢO HIỂM TRỢ CẤP TAI NẠN CÁ NHÂN

Điều 27. Phạm vi bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho các Cá nhân được bảo hiểm theo biểu kèm theo dưới đây đối với thương tật thân thể gây ra cho cho các Cá nhân được bảo hiểm trong khi lên xe, xuống xe, đang lái hoặc đang đi trên xe và gây ra bởi cách thức rõ ràng từ bên ngoài, có tính chất bất ngờ, mạnh mẽ và độc lập với bất kỳ nguyên nhân nào khác trong vòng 3 tháng dương lịch kể từ khi xảy ra thương tật dẫn đến hậu quả là:

Hậu Quả	Hạn mức trách nhiệm
A. Chết	Theo Hạn mức trách nhiệm ghi trong Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm.
B. Thương tật vĩnh viễn hoặc tàn tật như được mô tả dưới đây:	Một số tiền theo tỉ lệ phần trăm của số tiền bảo hiểm ghi trong bản kê bảo hiểm. Tỉ lệ phần trăm đối với mỗi một Hậu Quả là như sau:
	Tỷ lệ %
1. Tàn tật vĩnh viễn toàn bộ không thể tham gia làm việc hoặc không thể làm bất cứ nghề nghiệp nào	100%
2. Mù hoàn toàn và mất vĩnh viễn thị lực của một hoặc cả hai mắt	100%
3. Thương tật toàn bộ do phải cắt cụt hoặc mất vĩnh viễn khả năng sử dụng của:	100%
- một hoặc hai chân	
- một hoặc hai tay	
- cánh tay từ trên cùi chỏ	
- cánh tay ở ngay hoặc dưới cùi chỏ	
- chân từ trên đầu gối	
- chân ở ngay hoặc dưới đầu gối	
4. Mất vĩnh viễn toàn bộ	50%
- thị lực của một mắt trừ phi còn cảm nhận được ánh sáng	
- thùy tinh thể của một mắt	
5. Thương tật toàn bộ do phải cắt cụt hoặc mất vĩnh viễn khả năng sử dụng của:	
- ngón cái và 4 ngón tay của một bàn tay	50%
- 4 ngón tay của một bàn tay	40%
- ngón cái (2 lóng)	25%
- ngón cái (1 lóng)	10%
- ngón trỏ (3 lóng)	15%
- ngón trỏ (2 lóng)	8%
- ngón trỏ (1 lóng)	4%
- ngón giữa (3 lóng)	10%
- ngón giữa (2 lóng)	4%

- | | |
|---|-----|
| - ngón giữa (1 lóng) | 2% |
| - ngón áp út (3 lóng) | 8% |
| - ngón áp út (2 lóng) | 4% |
| - ngón áp út (1 lóng) | 2% |
| - ngón út (3 lóng) | 6% |
| - ngón út (2 lóng) | 3% |
| - ngón út (1 lóng) | 2% |
| - tất cả các ngón chân của một bàn chân | 17% |
| - ngón cái (2 lóng) | 5% |
| - ngón cái (1 lóng) | 2% |
| - bất kỳ ngón nào khác | 3% |
6. Mất vĩnh viễn toàn bộ khả năng:
- | | |
|------------------|-----|
| - nghe của 2 tai | 75% |
| - nghe của 1 tai | 15% |
| - nói | 50% |
7. Thương tật vĩnh viễn một phần mà không được nêu trên đây trừ mất khả năng vị giác và khứu giác

Tỷ lệ % này được xác định bởi Doanh nghiệp bảo hiểm theo ý kiến của chuyên gia sao cho nhất quán với tỷ lệ phân trăm xác định ở trên mà không kể đến nghề nghiệp, tính chất công việc của Cá nhân được Bảo Hiểm.

- C. Các chi phí cần thiết cho thuốc men, nằm viện và phẫu thuật, chăm sóc tại nhà điều dưỡng hay tại nhà phát sinh trong vòng 104 tuần kể từ lúc bị Thương Tật, với điều kiện là mọi chi phí phát sinh này là hợp lý và cần thiết phải trả cho các dịch vụ chuyên nghiệp cung cấp bởi các bác sĩ có đủ điều kiện hành nghề và/hoặc cho bệnh viện được cấp phép.

Số tiền hoàn lại lên đến 10% Hạn mức trách nhiệm cho mỗi Thương tật

Luôn luôn với điều kiện là:

- Tiền bồi thường sẽ không được trả cho bất kỳ mục cụ thể nào của Hậu quả B nếu có một số tiền bồi thường lớn hơn phải thanh toán cho một phần khác của Hậu quả B mà đã bao gồm mục cụ thể đó,
- Hậu quả A (tử vong) ngoài Hậu quả B (thương tật hay tàn tật vĩnh viễn) nếu phát sinh từ cùng một thương tật, trừ phi nếu số tiền bồi thường theo một phần của Hậu quả B đã được thanh toán và tử vong chỉ xảy ra sau đó do và trong vòng 104 tuần của Thương tật, trong trường hợp Số tiền bồi thường phải trả cho Hậu quả A lớn hơn số tiền đã bồi thường cho Hậu quả B thì Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ thanh toán phần chênh lệch,
- Tổng cộng bất kỳ hay tất cả các mục trong Hậu quả B không vượt quá 100% cho mỗi cá nhân được bảo hiểm,
- Hậu quả B1 (thương tật vĩnh viễn hay toàn bộ) sẽ không được trả cho đến một năm sau ngày xảy ra Thương tật,
- Quyền lợi bảo hiểm theo Hậu quả C sẽ không được thanh toán nếu có một hợp đồng bảo hiểm khác đang có hiệu lực hoặc khi Cá nhân được bảo hiểm được nhận tiền bồi thường từ một nguồn khác, với điều kiện là Doanh nghiệp bảo hiểm vẫn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vượt quá số được thanh toán theo Hợp đồng bảo hiểm hoặc bồi thường nêu trên,
- Số chỗ ngồi được bảo hiểm dựa trên thiết kế của chiếc xe hoặc được nêu trong giấy phép lưu hành xe hoặc do thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và Doanh nghiệp bảo hiểm.
Khi số người thực tế kể cả người điều khiển xe có mặt trên xe tại thời điểm xảy ra tai nạn cao hơn số người ghi trong Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm, trách nhiệm pháp lý của Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ được giảm xuống theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm so với số lượng của người thực tế đi trên xe.

Điều 28. Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với:

- Trường hợp tử vong hay thương tật thân thể, toàn bộ hay một phần, trực tiếp hay gián tiếp phát sinh, gây ra bởi hoặc truy nguyên do cố ý tạo ra thương tật cho bản thân, tự tử hay tự tử có chủ ý (dù có phạm tội hay không), khuyết tật thân thể hay đau yếu.
- Bất cứ trách nhiệm nào bị ràng buộc dưới dạng thỏa thuận mà lẽ ra nếu không có thỏa thuận này thì trách nhiệm đã không phát sinh.
- Bất cứ số tiền nào mà Người được bảo hiểm lẽ ra đã được bồi thường từ một bên thứ ba nếu không có thỏa thuận giữa bên này và Người được bảo hiểm.
- Bất kỳ tai nạn tổn thất hay thiệt hại nào đối với tài sản, hay bất cứ tổn thất hoặc chi phí nào gây ra hay phát sinh từ sự cố đó, hay bất kỳ tổn thất mang tính hậu quả nào.